

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 4452/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 30 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khu nhà ở xã hội thuộc khu vực 1, phường Đống Đa, thành phố
Quy Nhơn của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3936/STNMT-CCBVMT ngày 13/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu nhà ở xã hội thuộc khu vực 1, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu nhà ở xã hội thuộc khu vực 1, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 170/CV-PMQN ngày 22/11/2023 của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1450/TTr-STNMT ngày 30/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu nhà ở xã hội thuộc khu vực 1, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu vực 1, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Luật Khoáng sản đối với hoạt động khai thác, tận dụng đất, đá thừa từ quá trình san gạt hạ cao độ mặt bằng để phục vụ san lấp trong phạm vi dự án và chuyển giao ra bên ngoài.

Điều 3. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Đống Đa;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC KHU VỰC 1, PHƯỜNG ĐỒNG ĐA,
THÀNH PHỐ QUY NHƠN CỦA CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG PHÚ MỸ - QUY NHƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khu nhà ở xã hội thuộc khu vực 1, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn.
- Địa điểm thực hiện: Khu vực 1, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn.
- Địa chỉ liên hệ: số 145A đường Trần Hưng Đạo, Phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Tổng diện tích dự án: 18.731,3 m²; trong đó:
 - + Khu nhà ở xã hội (NOXH): diện tích 7.012,3 m²; gồm 02 khối chung cư, mỗi khối 13 tầng, tổng 310 căn hộ.
 - + Khu Nhà liên kế: diện tích 1.680 m², gồm 18 căn (mỗi căn 04 tầng).
 - + Diện tích đất cây xanh: 1.167,7 m².
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích 16.200 m².
- Quy mô dân cư dự kiến: khoảng 1.250 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: 02 khối chung cư NOXH, 18 căn Nhà ở liên kế.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, giao thông nội bộ, cây xanh, mái taluy,...

1.3.3 Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa (có bể lắng cát trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của thành phố Quy Nhơn).

1.3.4. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án.
- Hoạt động thu hồi đất, đá thừa trong quá trình chuẩn bị bằng dự án với tổng khối lượng khoảng 106.891,54 m³; thực hiện thủ tục pháp lý về hoạt động khoáng sản để chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu theo quy định của Luật Khoáng sản).
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.
- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.
- Hoạt động sinh hoạt của cư dân trong Dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích khoảng 16.200 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

a) Giai đoạn thi công:

- Hoạt động thi công mái taluy phía Nam dự án và hoạt động khai thác đất, đá thừa, bốc đất tầng phủ, thực bì từ quá trình giải phóng mặt bằng phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung.
- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục dự án phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công, chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất, nguy cơ hư hỏng các tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

b) Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường xung quanh dự án phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải.
- Hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Hoạt động duy tu, bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải.
- Hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống trong dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 2,88 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...
- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát

sinh với lưu lượng khoảng $6,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng $201,66 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (trong đó, lượng nước thải phát sinh từ khu nhà liên kế là $12,16 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và từ khu chung cư NOXH là $189,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$). Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, khai thác đất, đá thừa, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu san lấp, thi công; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , VOC,...

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động giao thông của người dân, quá trình dọn vệ sinh khu vực công cộng; khí thải từ quá trình nấu nướng của người dân, hoạt động của máy phát điện dự phòng, vận hành hệ thống xử lý nước thải. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , VOC, NH_3 , H_2S ...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 115,19 tấn. Thành phần chủ yếu là thực bì, gỗ, cành cây,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng $93 \text{ kg}/\text{ngày}$; chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ công trình hiện hữu khoảng 70 m^3 . Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, gạch, đá,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phát sinh với khối lượng khoảng $26.882,29 \text{ m}^3$. Thành phần chủ yếu là đất, bùn.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng $72 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng $1.625 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, nạo vét kênh mương xung quanh dự án phát sinh với khối lượng khoảng $35,44 \text{ kg}/\text{ngày}$.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 65 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động sinh hoạt của người dân phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 75 kg/năm. Thành phần chủ yếu là pin thải, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động thi công mái taluy (đục thanh tẩy đá om và khoan tạo lỗ đỉnh neo), hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án, tiếng ồn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện ảnh hưởng tới cư dân sinh sống tại dự án.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động khai thác đất, đá gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông....

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng 16.200 m² đất rừng phòng hộ làm suy giảm hệ sinh thái, gia tăng khả năng xói mòn, sạt lở trong khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm

thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn:

+ Hệ thống thoát nước mưa của dự án được thiết kế theo phương án tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án và kết nối với hệ thống thoát nước mưa của thành phố.

+ Nước mưa trên mái, ban công, lô gia được dẫn bằng hệ thống thoát nước riêng và thoát theo hệ trục hộp kỹ thuật dẫn xuống, thoát ra mương thu nước mưa xung quanh dự án gồm các tuyến cống BTCT D400 và D600 dẫn nước mưa trong khu vực dự án và kết nối với hệ thống thoát nước mưa của thành phố.

+ Hệ thống thoát nước mưa trên mái taluy gồm mương thu nước mưa đỉnh mái taluy (0,5 x 0,7 m) và mương thu nước mưa chân mái taluy (0,8 x 1,0 m) dẫn nước mưa qua các hố lắng cát (kết cấu bằng BTCT, kích thước 2,0 x 2,0 m) và rãnh có bậc tiêu năng để giảm thiểu tối đa tốc độ chảy của dòng nước mưa trước khi kết nối với mương thu nước mưa xung quanh dự án.

b) Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ 02 khu chung cư NOXH:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động tắm, giặt, nấu nướng,... được dẫn về bể tách mỡ, sau đó được thu gom và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung tại phía Tây dự án.

+ Nước thải phát sinh nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn thể tích 150 m³ (dùng chung cho 02 khu chung cư NOXH), sau đó được thu gom và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung tại phía Tây dự án.

+ Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung (Công suất thiết kế 230 m³/ngày đêm):

Nước thải → Bể gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể gom → đầu nối vào hố ga hiện trạng trên vỉa hè đường Trần Thị Dừa (phía trước dự án tại nút giao Trần Thị Dừa – Đặng Chất theo Công văn số 3031/UBND-ĐT ngày 12/9/2023 của UBND thành phố Quy Nhơn), nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt). Khi hạ tầng thu gom nước thải của thành phố Quy Nhơn được đầu tư đồng bộ, nước thải sau khi xử lý của dự án sẽ được đầu vào hệ thống thu gom nước thải chung và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố Quy Nhơn để xử lý.

- Nước thải khu nhà ở liên kế: nước thải tại mỗi nhà liên kế sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại hộ gia đình, sau đó được đầu nối trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý đảm bảo. Khi hạ tầng thu gom nước thải của thành phố Quy Nhơn được đầu tư đồng bộ, nước thải từ khu

nhà ở liên kế sẽ đầu nối trực tiếp vào hạ tầng thu gom chung để đưa về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố để xử lý (không đưa về hệ thống xử lý nước thải của dự án).

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, vệ sinh trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn vận hành:

- Mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom bằng tuyến ống nhựa PVC D27 về tháp khử mùi (vật liệu than hoạt tính) đặt tại khu vực Nhà điều hành bằng quạt hút, sau đó cho thoát ra môi trường thông qua ống thoát hơi cao 10m.

- Trồng cây xanh trong khu vực dự án với diện tích 1.167,7 m².

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đất bóc phong hóa hữu cơ, đá thừa được tận dụng đắp gia cố mái taluy phía Nam dự án, khu vực cây xanh.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 58 và Điều 66 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với 02 khu NOXH:

+ Bố trí phòng chứa rác tại từng tầng chung cư có diện tích 3,5 m² (chia 02 ngăn).

+ Bố trí nhà chứa rác tập trung có diện tích là 24 m² tại phía Tây dự án (chia làm 04 ngăn: ngăn chứa chất thải rắn sinh hoạt, ngăn chứa chất thải tái chế, ngăn chứa chất thải nguy hại và ngăn vệ sinh các thùng chứa rác).

+ Người dân thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thùng chứa rác phân loại tại mỗi phòng chứa rác ở mỗi tầng. Hàng ngày, đội vệ sinh sẽ tiến hành thu gom rác tại mỗi tầng và đưa xuống khu vực tập trung để đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý. Sau khi rác thải đã được thu gom, thùng rác sẽ được đội vệ sinh rửa tại khu vực phòng chứa rác và nước vệ sinh thùng rác được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải chung của Dự án.

- Đối với khu nhà liên kế: người dân tự thu gom rác theo mô hình phân loại rác thải tại nguồn và đặt dọc theo các tuyến đường nội bộ, được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định (Người dân sinh sống tại các khu nhà ở liên kế sẽ hợp đồng trực tiếp với đơn vị thu gom rác và tự chi trả chi phí).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích 120 lít/thùng và 01 can 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 05 m² tại công trường theo đúng quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, Điều 69, Điều 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa tại ngăn chứa chất thải nguy hại trong nhà chứa rác tập trung có diện tích là 24 m², bên trong bố trí 04 thùng dung tích 120 lít, bằng nhựa, có nắp đậy, có dán nhãn nhận biết. Chủ đầu tư (hoặc Ban Quản lý khu NOXH) sẽ thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

- Quy định áp dụng: Điều 68, 69, 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Sử dụng các thiết bị thi công đăng kiểm đảm bảo.
- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kì thường xuyên.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h đến 6h sáng hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành

- Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống xử lý nước thải.
- Trồng cây xanh đảm bảo diện tích theo quy định.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời

trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

4.5.5. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở khu vực núi Bà Hỏa

- Xây dựng mái taluy phía Nam dự án để hạn chế sạt lở (cao độ mái taluy là từ + 52,0m xuống + 8,0m, chiều rộng mái taluy khoảng 33m). Kết hợp với mái taluy phía Nam dự án là hệ thống mương thoát nước chạy dọc mái taluy để thu gom nước mưa chảy tràn từ núi Bà Hỏa thoát qua khu vực dự án.

- Tiến hành thi công hoàn thiện mái taluy, đảm bảo ổn định, hạn chế sạt lở trong khu vực dự án rồi mới tiếp tục tiến hành xây dựng các hạng mục còn lại.

- Rà soát khả năng sạt lở, trượt mái dốc, ổn định tổng thể, ổn định cục bộ, đặc biệt là khu vực tiếp giáp với sườn núi; tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; trường hợp không đảm bảo an toàn thì phải có phương án xử lý, gia cố hoặc điều chỉnh quy mô, phạm vi, ranh giới cho phù hợp.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ đầu tư

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc:

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại khu vực tiếp giáp khu dân cư phía Tây Bắc dự án, tọa độ: X = 1.524.776; Y = 603.059 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3^o, kinh tuyến trực 108^o15').

- Thông số quan trắc: bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.1.3. Giám sát khả năng sạt lở:

- Tổ chức giám sát nhằm phát hiện các hiện tượng sạt lở trong quá trình đào đắp, xác định quy mô, mức độ để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Vị trí giám sát: Các khu vực đào đắp, khu vực bãi chứa.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

- Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ và chuyển giao xử lý.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.